

Bản án số: 728 /2018/DS-ST

Ngày: 29/11/2018

“V/v tranh chấp hợp đồng

Vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Năm

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 386/2017/TLST-DS ngày 13/11/2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T, sinh năm 1974

Địa chỉ: 328 CH, Phường N, Quận T, Thành phố M

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông D(Văn bản ủy quyền lập ngày 09/10/2017)

(Vắng mặt)

Bị đơn: 1/Ông Q, sinh năm 1961

2/ Bà MD, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: 769/56 đường H, Phường B, Quận T, Thành phố M.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 30/10/2017 cùng các tài liệu chứng cứ đã thu thập người đại diện của nguyên đơn ông D trình bày: Ngày 31/01/2013 bà T và vợ chồng ông Q, bà MD có ký hợp đồng vay tiền tại phòng công chứng Gia đình. Theo hợp đồng bà T cho ông Q, bà MD vay số tiền 520.000.000 đồng, thời hạn vay 03 năm, lãi suất 1%/ tháng, trả vốn và lãi vào cuối thời hạn vay. Bà T đã giao đủ số tiền cho ông Q và bà MD vay, có làm giấy giao nhận ngày 31/01/2013. Đến hạn trả nợ đầu tháng 02 năm 2016 không thấy ông Q và bà MD trả tiền nên bà T tìm kiếm nhưng ông Q và bà MD trốn tránh không trả. Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Q và bà MD

phải trả cho bà số tiền 707.200.000 đồng trong đó tiền vốn là 520.000.000 đồng và tiền lãi là 187.200.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

Bị đơn ông Q và bà MD đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa nên không thu được lời khai cũng như không hòa giải được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội MD đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét đơn khởi kiện của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do bị đơn cư trú tại Quận 8 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

2. Về tố tụng:

Ông Q và bà MD đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông Q và bà MD và ông D.

3. Về yêu cầu của đương sự:

Bà T cho ông Q và bà MD vay tiền có làm hợp đồng vay tại văn phòng công chứng Gia định, có lập văn bản giao nhận tiền. Hai bên đã thỏa thuận tính lãi suất 1%/tháng và xác định thời gian trả nợ nên đây là hợp đồng vay có thời hạn, có lãi suất. Tòa án đã gửi thông báo thụ lý cho ông Q và bà MD và triệu tập bị đơn nhiều lần nhưng bị đơn không đến Tòa và cũng không gợi ý kiến phản đối chứng tỏ có việc vay mượn tiền của bà T chưa trả. Khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 qui định: “ Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”, “ Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ ”. Xét hợp đồng vay tiền ngày 30/10/2017 lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005. Từ ngày 31/10/2016 là đến hạn trả nợ nhưng không có chứng cứ nào thể hiện việc ông Q và bà MD đã trả vốn và lãi cho bà T. Bà T

chỉ yêu cầu tính tiền lãi đến ngày 31/10/2016 là 187.200.000 đồng có lợi cho bị đơn nên chấp nhận. Bà T yêu cầu ông Q và bà MD trả tiền vốn và lãi là phù hợp với qui định của pháp luật nên chấp nhận, buộc ông Q và bà MD phải trả cho bà T số tiền 707.200.000 đồng trong đó tiền vốn là 520.000.000 đồng và tiền lãi là 187.200.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

Để đảm bảo quyền lợi của bên được thi hành án cần áp dụng Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ông Q và bà MD phải chịu án phí dân sự sơ thẩm .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005

- Các điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên xử vắng mặt ông Q, bà MD và ông D:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Q và bà MD phải trả cho bà T số tiền 707.200.000 (Bảy trăm lẻ bảy triệu hai trăm ngàn) đồng trong đó tiền vốn là 520.000.000 đồng và tiền lãi là 187.200.000 đồng.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T, nếu ông Q và bà MD không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng ông Q và bà MD còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: là 32.288.000 (Ba mươi hai triệu hai trăm tám mươi tám nghìn) đồng ông Q và bà MD cùng chịu, nộp tại chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.144.000 (Mười sáu triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0013651 ngày 09/11/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận 8.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- Chi cục THADS Q8;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (...)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thúy Hòa